

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)



MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 42
8.	Phụ lục	43 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước - Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn theo Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301307933, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chi : 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : (84-28) 3854 7100 - Fax : (84-28) 3855 5682

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhận khẩu và Đầu tự. Lô R. Khu Sản xuất tôm giống

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Lô B, Khu Sản xuất tôm giống, Xã An Hải, Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Giống Cholimex - Huyện Ninh Phước, Tinh Ninh Thuận Ninh Thuân

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư 631 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Thương mại Hồ Chí Minh Cholimex

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quầy sạp;
- Kinh doanh địa ốc;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng (chi thực hiện đối với những dự án được cấp có thể quyền phê duyệt);
- Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, nhà nghi, khách sạn;
- Cho thuê nhà xưởng;
- Sản xuất tôm giống;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Dịch vụ vận tải. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cấu kiện sắt thép;
- Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh bê tông đúc sẵn;
- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc và hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh siêu thi;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán thủy hải sản;
- Bán buôn đồ uống.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hôi	dôno	quản	tri
xxve.	work	A secesa	

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trần Thị Thanh Nhàn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2016
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2016
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Huỳnh Văn Nẫu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Văn Thân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2018
Ban kiểm soát		
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Nguyệt Hằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Phan Quỳnh Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ban Tổng Giám đốc		
Ho và tên	Chức vu	Ngày bổ nhiệm



Ông Huỳnh An Trung

Ông Lưu Thanh Danh

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh An Trung – chức vụ Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2016).

Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2016

Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhằm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN TÔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHƠ LỚN (CHOLIMEX)

> Huỳnh An Trung Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

JU HAN HH



Head Office

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: 028. 3, 5472 972 Fax: 028. 3, 5472 970 kttv@a-c.com kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869

Tel: 0292. 3 764 995

kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City Tel: 0258. 2 465 151 Fax: 0258. 2 465 806

kttv.nt@a-c.com.vn

kttv.ct@a-c.com.vn

15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City

Branch in Can Tho

Số: 1.0723/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CÓ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chọ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kể toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bảy Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhằm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiếm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hoá được cấp Giấy chứng nhận đặng ký doanh nghiệp lần đầu, khi lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần, doanh nghiệp thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá; tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán phát sinh tăng hoặc giảm so với giá đang hạch toán trên số kế toán thì doanh nghiệp được hạch toán vào kết quả kinh doanh theo quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm này, Công ty vẫn chưa thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn nêu trên.





Theo Biên bản họp ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty, việc định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá sẽ được tiếp tục thực hiện và đề xuất xử lý trong báo cáo quyết toán chuyển thể doanh nghiệp (xem thuyết minh số VII.5). Chúng tôi không có đủ thông tin đề xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính.

Thực hiện theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty không xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo hướng dẫn của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đồng thời hoàn nhập toàn bộ số dự phòng đã trích. Năm trước Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 16.309.717.184 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (xem thuyết minh số V.5). Do khoản dự phòng này chỉ liên quan đến các khoản nợ phải thu khó đòi phát sinh từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2014 nên việc hạch toán khoản chi phí này vào kết quả hoạt động kinh doanh năm trước là không phù hợp niên độ kế toán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về một số vấn đề Công ty phải tiếp tục xử lý tồn đọng trước khi chuyển sang công ty cổ phần nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này vẫn chưa được thực hiện hoàn tất. Các công việc này nếu được hoàn tất sẽ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

TRÁCH NHIỆM HỮU MY THÝ KIỆM TOÁN VÀ TƯ VẬN TỔ NGƯƠNG THUNG PHÓ Tổng Giá

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc Số Giấy CNĐKHN kiếm toán: 0099-2018-008-1 Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



CH NH

Địa chỉ: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỚI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

IÊM

	CHÌ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SĂN NGẮN HẠN	100		131.673.090.741	62.310.604.925
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.613.849.762	10.688.430.229
1.	Tiền	111		2.613.849.762	5.788.430.229
2.	Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	4.900.000.000
п.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.800.000.000	12.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121			-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-
3,	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.800.000.000	12.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.391.388.910	33.856.435.191
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.235.086.049	15.453.734.954
2.	Trà trước cho người bán ngắn hạn	132		123.475.303	104.695.479
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			10 2
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	70.441.672.896	36.802.350.496
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đời	137	V.5	(18.408.845.338)	(18.504.345.738)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV.	Hàng tồn kho	140		1.866.182.644	1.579.786.971
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	1.866.182.644	1.579.786.971
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		F 1988	
v.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.001.669.425	4.185.952.534
1.	Chi phi trả trước ngắn hạn	151	V.7a	41.795.454	49.617.875
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.917.873.971	4.063.910.034
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	42.000.000	72.424.625
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155			-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX) Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	CHỈ TIỀU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SĂN DÀI HẠN	200		864.487.229.191	857.396.481.436
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		*	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.	Phải thu dài hạn khác	216			
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II.	Tài sản cố định	220		8.031.802.557	25.425.261.923
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.895.477.557	12.787.210.254
	Nguyên giá	222		13.019.613.818	16.821.283.893
_	Giá trị hao mòn lũy kể	223		(5.124.136.261)	(4.034.073.639)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224			
_	Nguyên giá	225		-	-
_	Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	136.325.000	12.638.051.669
-	Nguyên giá	228		159.600.000	13.414.339.615
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.275.000)	(776.287.946)
ш.	Bất động sản đầu tư	230	V.10	64.162.399.339	42.119.413.606
	Nguyên giá	231		74.665.126.445	53.364.287.570
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.502.727.106)	(11.244.873.964)
IV.	Tài sản đở dang dài hạn	240		103.018.403.059	106.437.708.257
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		(•)	
2.	Chi phí xây dựng cơ bản đở dang	242	V.11	103.018.403.059	106.437.708.257
v.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		680.106.643.667	672.413.643.667
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	232.681.443.667	232.681.443.667
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	428.145.000.000	428.452.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	19.280.200.000	11.280.200.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5.	Đầu tư nằm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI.	Tài săn dài hạn khác	260		9.167.980.569	11.000.453.983
1.	Chi phí trà trước dài hạn	261	V.7b	9.167.980.569	11.000.453.983
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12		
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4.	Tài sán dài hạn khác	268			
	TÓNG CỘNG TÀI SẢN	270		996.160.319.932	919.707.086.361



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX) Địa chỉ: 631-633 Nguyễn Trải, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Bảng cân đối kể toán (tiếp theo)

	CHĨ TIÊU	Mā số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
С-	NỢ PHẢI TRĂ	300		52.734.463.334	21.156.157.202
I.	Nợ ngắn hạn	310		47.825.257.394	15.803.072.942
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.167.644.385	754.402.942
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.037.374.664	1.293.698.842
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	482.719.954	195.031.086
4.	Phải trà người lao động	314	V.16	5.404.048.390	4.458.074.173
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		106.045.100	171.727.048
6.	Phải trà nội bộ ngắn hạn	316			-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.066.339.080	28.507.410
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	26.882.115.179	6.868.521.629
10.		320			-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	10.678.970.642	2.033.109.812
13.	Quỹ bình ổn giá	323			4
14.	and the second s	324		-	IN S
п.	Nợ dài hạn	330		4.909.205.940	5.353.084.260
1.	Phải trả người bán dài hạn	331			/3
2.	Người mua trà tiền trước dài hạn	332			
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333			1
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	1.508.050.270	1.454.000.230
8.	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	18	-	
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10.		340			-
11.		341			*
12.		342		-	-
13.		343	V.19	3.401.155.670	3,899.084.030

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cần đối kế toán (tiếp theo)

	CHÌ TIÊU	Mã số	Thuyết minh _	Số cuối năm	Số đầu năm
D-	VÓN CHỦ SỞ HỮU	400		943.425.856.598	898.550.929.159
I.	Vốn chủ sở hữu	410		943.425.856.598	898.550.929.159
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	866.000.000.000	866.000.000.000
_	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		866.000.000.000	866.000.000.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		2.2	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.	Quyền chọn chuyển đối trái phiếu	413			
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	
5.	Cổ phiếu quỹ	415			4
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			· ·
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418			_
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	77.425.856.598	32.550.929.159
	lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.794.667.939	32.550.929.159
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		48.631.188.659	¥
12.		422			-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.	Nguồn kinh phí	431			
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-
	TổNG CỘNG NGUỒN VỚN	440	_	996.160.319.932	919.707.086.361

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CÔ PHẨN XUẤT NHẬP KHẨU

CHO LON

Trương Minh Thông Người lập Võ Văn Đầy Kế toán trưởng Huỳnh An Trung Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KÉT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	CHỉ TIỀU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.816.341.639	66.588.297.740
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		A SECTION SEC	42.754.110
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.816.341.639	66.545.543.630
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.950.057.202	56.236.412.713
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.866.284.437	10.309.130.917
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	97.937.408.882	53.592.029.572
7.	Chi phí tài chính	22		1.000.000	3.452.214
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.4	1.862.106.627	1.720.412.841
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	22.581.357.579	40.225.776.830
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		83.359.229.113	21.951.518.604
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	18.939.550	384.032.048
12.	Chi phí khác	32	VI.7	631.070.934	114.834.654
13.	Lợi nhuận khác	40		(612.131.384)	269.197.394
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.747.097.729	22.220.715.998
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	_	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.747.097.729	22.220.715.998
18.		70	VI.8		-
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

M

Trương Minh Thông Người lập Võ Văn Đầy Kế toán trưởng

Huỳnh An Trung Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẨN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHƠ LỚN

TP, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CÔN CH NHIỆ A TOÁN A A

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh 1. Lợi nhuận trước thuế 01 82.747.097.729 22.220.71 2. Điều chính cho các khoản: 02 V.8, V.9, V.10, V.19 2.412.563.204 3.049.3 - Các khoản dự phòng 03 V.5 (95.500.400) 16.309.7 - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 04 VI.3 (3.450.527) - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 05 VI.3, VI.6, VI.7 (97.293.975.984) (53.597.53) - Các khoản điều chỉnh khác 07 - - 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (12.222.266.678) (12.222.266.678) (12.222.266.678)	
1. Lợi nhuận trước thuế 01 82.747.097.729 22.220.71 2. Điều chính cho các khoản: 02 V.8, V.9, V.10, V.19 2.412.563.204 3.049.3 - Các khoản dự phòng 03 V.5 (95.500.400) 16.309.7 - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 04 VI.3 (3.450.527) - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 05 VI.3, VI.6, VI.7 (97.293.975.984) (53.597.53) - Các khoản điều chỉnh khác 07 - - 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (12.222.265.078) (12.222.265.078) (12.222.265.078)	trước
2. Điều chính cho các khoản: - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư - Các khoản dự phòng - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư - Chi phí lãi vay - Các khoản điều chỉnh khác 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	
2. Điều chính cho các khoản: - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư - Các khoản dự phòng - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư - Chi phí lãi vay - Các khoản điều chỉnh khác 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.998
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư - Các khoản dự phòng - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư - Chi phí lãi vay - Các khoản điều chình khác - Các khoản điều chình khác - Các khoản điều chình khác - Các nhuận từ hoạt động kinh doanh	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư - Chi phí lãi vay - Các khoản điều chỉnh khác - Các khoản điều chỉnh khác 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.747
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 04 VI.3 (3.450.527) - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 05 VI.3, VI.6, VI.7 (97.293.975.984) (53.597.53) - Chi phí lãi vay 06 - Các khoản điều chỉnh khác 07 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.184
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 04 VI.3 (3.450.527) - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 05 VI.3, VI.6, VI.7 (97.293.975.984) (53.597.53) - Chi phí lãi vay 06 - Các khoản điều chỉnh khác 07 - 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư 05 VI.3, VI.6, VI.7 (97.293.975.984) (53.597.53 - Chi phí lãi vay 06 - Các khoản điều chỉnh khác 07 - 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-
- Chi phí lãi vay 06 Các khoản điều chỉnh khác 07 - 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.222)
- Các khoản điều chỉnh khác 07 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-
(10 000 000) (10 017 71	-
(10 000 000) (10 017 71	
trước thay đổi vốn lưu động 08 (12.233.263.9/8) (12.017./1	5.293)
- Tăng, giảm các khoản phải thu 09 (2.815.022.466) (2.343.42	8.293)
- Tăng, giảm hàng tồn kho 10 (286.395.673) 295.5	44.057
- Tăng, giảm các khoản phải trả 11 (3.214.690.259) 5.699.8	56.623
- Tăng, giảm chi phí trả trước 12 1.840.295.835 2.196.0	04.111
- Tăng, giám chứng khoán kinh doanh 13	-
- Tiền lãi vay đã trà 14	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 16	_
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh 17 V.17, V.18, V.19, V.20a (2.690.720.738) (1.767.1)	4.184)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 20 (19.399.799.279) (7.936.90	2.979)
	,
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	
1. Tiền chi để mua sấm, xây dựng tài sản cố định và	10 100
các tài sản dài hạn khác 21 V.8, V.10, V.11 (4.795.272.329) (3.978.7	0.195)
 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và 	
các tài sản dài hạn khác V.8, V.9, V.10,	
22 VI.6, VI.7 487.503.727 520.0	000.000
 Tiển chi cho vay, mua các công cụ nợ của 	
don vị khác 23 V.2a (42.800.000.000) (12.000.0)0.000)
 Tiển thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của 	
đơn vị khác 24 V.2a 27.000.000.000 10.000.	
 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác V.2b, V.4 (26.044.650.000) (21.726.1 	
o. Then the not due to gop for the don't mine	000.000
 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia V.4, VI.3 82.477.461.688 26.686. 	12.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 30 36.325.043.086 2.581	26.054

Địa chi: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Báo cáo lưu chuyên tiên tệ (tiếp theo)

CHÎ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu 	31			
 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành 	32			
3. Tiền thu từ đi vay 4. Tiền trả nợ gốc vay 5. Tiền trả nợ gốc vay 6. Tiền trả nợ gốc vay 6. Tiền trả nợ gốc vay 6. Tiền trà nợ gốc vay 6. Tiền thu từ đi vay 6. Tiền tra nợ gốc vay 6. Tiền tra nơ tra nó gốc vay 6. Tiền tra nó gốc va	33 34 35			
 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 	36	V.7a, V.20d		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.925.243.807	(5.355.576.925)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.688.430.229	16.044.007.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		175.726 27.613.849.762	10.688.430.229
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		27.013.049.702	10.000.430.227

CONTRY HOCH Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CÓ PHẨN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHƠ LỚN

> Huỳnh An Trung Tổng Giám đốc

Trương Minh Thông Người lập

Võ Văn Đầy Kế toán trưởng

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quầy sạp; Kinh doanh cho thuê văn phòng; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ cho thuê kho bãi; Kinh doanh cấu kiện sắt thép; Mua bán vật liệu xây dựng; Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc và hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống.



Tỷ lệ

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Lô A59/I, đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất, mua bán điện năng; Khai thác, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất; Đại lý kinh doanh xăng dầu	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần May Cholimex ⁽ⁱ⁾	B26-27 đường số 5, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ chẳm sóc và duy	48,84%	75,03%	75,03%

Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc góp vốn vào Công ty Cổ phần May Vĩnh Lộc với tỷ lệ góp vốn là 26,19%.

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Lô C40-43/I, C51-55/II, đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến, gia công và mua bán thực phẩm, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đông lạnh, thủy sản các loại, nuôi trồng thủy hải sản.	40,72%	40,72%	40,72%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức (i)	Âp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.	10,00%	24,00%	24,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất	325 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá.	20,05%	20,05%	20,05%

Công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức với tỷ lệ góp vốn là 14,00%.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chi
và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung	Lô B, Khu Sản xuất tôm giống, Xã An Hải, Huyện Ninh Phước, Tinh Ninh Thuận
tâm Tôm giống Cholimex - Ninh Thuận Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) - Trung tâm Thương mại Cholimex	631 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính 6.

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 48 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 52 nhân viên).

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN II.

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bảy Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tải chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiên).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiên tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyển chọn, hợp đồng hoán đồi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

 Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngắn hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

 Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

 Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

4498

NG HEM F N VA

T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giám giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết Công ty chưa thực hiện định giá lại các khoản khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hoá theo quy định hiện hành nên Công ty cũng chưa trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết vào thời điểm lập báo cáo tài chính.

Sau khi thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính thì dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

 Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi số trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá han của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chi có hàng hóa và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng hóa tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, tiền thuê đất và lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cu, dụng cu

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (06 năm).

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam. Lợi thê kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cô định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa số và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loai tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc và thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyển sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đồi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loai tài sản cố định	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhà	20 - 50
Cơ sở hạ tầng	10 - 20

OAA OAN NAC

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản đở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trơ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuế chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ do Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định (tối đa 10% thu nhập tính thuế trong năm) và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

Địa chi: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rùi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đối lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- · Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuế tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

981. GTY MHÚT VÀTL L C

Địa chi: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chính giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chính các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoặn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoặn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoặn lại chi được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyển hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bảy phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bảy Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỎ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỚI KÉ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	95.101.738	34.338.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.518.748.024	5.754.092.161
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	4.900.000.000
Cộng	27.613.849.762	10.688.430.229

^(*) Tiền gửi ngân hàng có kỷ hạn gốc không quá 03 tháng.



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	•	Số cuối năm			Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh	232.681.443.667		-	232.681.443.667	•	
Lộc (i)	225.209.443.667			225.209.443.667		
Công ty Cổ phần May Cholimex (ii)	7.472.000.000			7.472.000.000	_	
Đầu tư vào công ty liên						
doanh, liên kết	428.145.000.000		5	428.452.000.000	-	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (iii)	296,820.000.000		- 417.197.000.000	296.820.000,000	-	353.215.800.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và						
Đầu tư Tân Bình ^(iv) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công	119.325.000.000	-	142.913.754.000	119.632.000.000		191.610.292.400
nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức (v) Đầu tư góp vốn vào đợn	12.000.000.000			12.000.000.000		
vị khác	19.280.200.000		-	11.280.200.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cholimex (vi) Công ty Cổ phần Đầu tư	5.502.000.000			5.502.000.000		
Phát triển Thủy sản Chợ Lớn ^(vii)	2.000.000.000			2.000,000.000		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long (viii)	11.778.200.000			3.778.200.000	-	
Cộng	680.106.643.667		-	672.413.643.667	-	7

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305073316 ngày 03 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc số tiền 36.433.071.993 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 325.325.237.466 VND. Năm 2017, Công ty đã điều chuyển vốn đầu tư đền bù đất và các chi phí khác có liên quan của hai dự án Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng và Khu Dân cư tái định cư Vĩnh Lộc A từ Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc về Công ty với tổng trị giá là 100.115.793.799 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 57/NQ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2017.

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cho nam tai chinn ket thuc ngay 31 thang 12 han

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304424152 ngày 21 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần May Cholimex số tiền 7.472.000.000 VND, tương đương 48,84% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc còn đầu tư vào Công ty Cổ phần May Cholimex 4.007.070.000 VND, tương đương 26,19% vốn điều lệ. Do sở hữu trực tiếp và gián tiếp chiếm 75,03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần May Cholimex nên khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục đầu tư vào công ty con.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304475742 ngày 19 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex số tiền 41.820.000.000 VND, nắm giữ 3.298.000 cổ phiếu, tương đương 40,72% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 296.820.000.000 VND.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301464904 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình số tiền 23.110.010.000 VND, nắm giữ 4.622.002 cổ phiếu, tương đương 19,26% vốn điều lệ. Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đã được đánh giá lại tăng số tiền đầu tư lên 101.684.044.000 VND. Năm 2017, Công ty mua thêm 671.100 cổ phiếu với giá mua đã trừ cổ tức được chia là 17.640.956.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.293.102 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình, tương đương 20,05% vốn điều lệ.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100839263 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức số tiền 12.000.000.000 VND, nắm giữ 1.200.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc còn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức 16.800.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ. Do sở hữu trực tiếp và gián tiếp chiếm 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức nên khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày ở khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305412784 ngày 29 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex số tiền 5.502.000.000 VND, nắm giữ 550.200 cổ phiếu, tương đương 18,34% vốn điều lệ.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311461726 ngày 03 tháng 01 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn số tiền 2.000.000.000 VND, nắm giữ 200.000 cổ phiếu, tương đương 15,38% vốn điều lệ.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900989442 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 12 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long số tiền 3.778.200.000 VND, nắm giữ 20.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty mua thêm 80.000 cổ phiếu với giá mua là 8.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long, tương đương 10% vốn điều lệ.

NG HỆM

W W

T.P

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần May Cholimex đã thanh lý nhà xưởng hiện đang chuyển qua hoạt động cung ứng dịch vụ. Các công ty con và công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

3	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh		
Lộc		
Bán hàng	20.681.818	44.863.636
Cho thuê kho	2.601.188.640	2.564.826.120
Phí quản lý nhãn hiệu hàng hóa	20.000.000	20.000.000
Lợi nhuận được chia	69.870.309.190	35.547.046.468
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex		
Mua hàng	10.679.199.983	8.574.344.737
Cung cấp dịch vụ	774.800.000	1.531.853.145
Bán hàng	3.306.967.945	1.436.753.100
Cổ tức được chia	989.400.000	6.060.075.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình		
Cổ tức được chia	12.925.755.000	9.300.180.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức		
Cổ tức được chia	12.000.000.000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Sô cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	47.740.000	15.950.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	47.740.000	15.950.000
Phải thu các khách hàng khác	17.187.346.049	15.437.784.954
Công ty TNHH Thiện Ân	8.732.498.580	8.732.498.580
Công ty TNHH Toàn Thành (Lúa mì)	2.437.717.222	2.437.717.222
Các khách hàng khác	6.017.130.247	4.267.569.152
Cộng	17.235.086.049	15.453.734.954

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

•	Số cuối năm		, Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Phải thu các bên liên quan	63.303.945.926	-	31.012.194.764	-	
Công ty Cổ phần Thực phẩm					
Cholimex - Cổ tức được chia	-	-	5.606.600.000	-	
Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Lợi nhuận					
được chia	44.980.695.926	-	25.248.322.702	-	
Công ty TNHH MTV Khu công					
nghiệp Vĩnh Lộc - Phải thu khác	278.600.000	-	157.272.062	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh					
doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ					
và Đầu tư Tân Bình - Tiền đầu					
tư mua 721.786 cổ phiếu chưa					
phát hành	18.044.650.000	-	-	-	
Phải thu các tổ chức và cá					
nhân khác	7.137.726.970(3.522.420.996)		(3.617.921.396)	
Phải thu về cổ phần hóa	1.003.818.182	-	943.677.824	-	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.077.180.274		106.633.333	-	
Ký quỹ ngắn hạn	3.000.000	-	3.000.000	-	
Tạm ứng	74.000.000	-	3.000.000	-	
Các khoản phải thu ngắn hạn					
khác	4.979.728.5140	(3.522.420.996)	4.733.844.575	(3.617.921.396)	
Cộng	70.441.672.896	(3.522.420.996)	36.802.350.496	(3.617.921.396)	

5. Nợ xấu

		Số cuối năm			Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thiện Ân - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	8.732.498.580		Trên 03 năm	8.732.498.580	
Công ty TNHH Toàn Thành (Lúa Mì) - Phải thu						
tiền bán hàng Phải thu các tổ	Trên 03 năm	2.437.717.222	-	Trên 03 năm	2.437.717.222	-
chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	7.238.629.536		Trên 03 năm	7.334.129.936	-
Cộng		18.408.845.338	-		18.504.345.738	-



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	4	Năm trước
Số đầu năm	18.504.345.738	145	2.281.755.303
Trích lập dự phòng bổ sung			16.309.717.184
Hoàn nhập dự phòng	(95.500.400)		-
Xóa nợ			(87.126.749)
Số cuối năm	18.408.845.338	_	18.504.345.738

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu	năm	
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	333.459	- 5	-	187.468.863	-
Hàng hóa	1.865.849.185		-	1.392.318.108	-
Cộng	1.866.182.644		-	1.579.786.971	_

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	46.389.508	119.616.428
Chi phí sửa chữa	466.558.187	1.077.976.174
Tiền thuê đất	72.000.000	88.000.000
Lợi thế kinh doanh	8.583.032.874	9.714.861.381
Cộng	9.167.980.569	11.000.453.983

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	12.318.317.196	1.773.438.300	2.168.000.000	471.528.397	90.000.000	16.821.283.893
Mua trong năm		-	3.299.961.571	33.000.000	-	3.332.961.571
Chuyển từ bắt động sản đầu tư	7.319.990.892					7.319.990.892
Chuyển sang bắt động sản đầu tư	(12.318.317.196)					(12.318.317.196)
Thanh lý, nhượng bán		(42.799.300)	(1.848.000.000)	(155.506.042)	(90.000.000)	(2.136.305.342)
Số cuối năm	7.319.990.892	1.730.639.000	3.619.961.571	349.022.355		13.019.613.818
Trong đó:						
Đã khẩu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		742.429.000		194.195.455		936.624.455
Chờ thanh lý	-		-		*	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX) Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định bữu hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	394.226.220	1.333.704.126	1.886.118.233	330.025.060	90.000.000	4.034.073.639
Khẩu hao trong năm	246.366.360	63.157.728	364.372.834	33.832.527		707.729.449
Chuyển từ bắt động sản đầu tư	3.055.345.012					3.055.345.012
Chuyển sang bắt động sản đầu tư	(640.592.580)					(640.592.580)
Thanh lý, nhượng bán		(42.799.300)	(1.753.729.080)	(145.890.879)	(90.000.000)	(2.032.419.259)
Số cuối năm	3.055.345.012	1.354.062.554	496.761.987	217.966.708		5.124.136.261
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11.924.090.976	439.734.174	281.881.767	141.503.337		12.787.210.254
Số cuối năm	4.264.645.880	376.576.446	3.123.199.584	131.055.647		7.895.477.557
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng				-		
Đang chờ thanh lý		-		-		

9. Tài sản cố định vô hình

Tai san co ujun vo muu	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá	10.010.500.615	104 600 000	12 414 220 615
Số đầu năm	13.219.739.615	194.600.000	13.414.339.615
Chuyển sang bất động sản	(12 210 720 (15)		(13.219.739.615)
đầu tư	(13.219.739.615)	(25,000,000)	
Thanh lý, nhượng bán		(35.000.000)	(35.000.000)
Số cuối năm		159.600.000	159.600.000
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn			
còn sử dụng	-	-	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	737.962.945	38.325.001	776.287.946
Khấu hao trong năm	281.271.061	19.949.999	301.221.060
Chuyển sang bất động sản			
đầu tư	(1.019.234.006)		(1.019.234.006)
Thanh lý, nhượng bán		(35.000.000)	(35.000.000)
Số cuối năm	-	23.275.000	23.275.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.481.776.670	156.274.999	12.638.051.669
Số cuối năm	-	136.325.000	136.325.000
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng			-
Đang chờ thanh lý		-	-

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

bai aọng san aau iu cho inu	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá		1783		
Số đầu năm	13.486.866.385	39.048.026.590	829.394.595	53.364.287.570
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		4.881.615.956	Asset I in the	4.881.615.956
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	12.318.317.196		12.318.317.196
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	13.219.739.615			13.219.739.615
Thanh lý, nhượng bán	13.219.739.013	(1.187.928.830)	(610.914.170)	(1.798.843.000)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(7.319.990.892)		(7.319.990.892)
Số cuối năm	26.706.606.000	47.740.040.020	218.480.425	74.665.126.445
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn				
cho thuê	-		-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	762.985.521	10.047.253.195	434.635.248	11.244.873.964
Khấu hao trong năm	297.067.536	1.095.195.397	46.528.122	1.438.791.055
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	640.592.580		640.592.580
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	1.019.234.006		_	1.019.234.006
Phân loại lại	1.019.254.000	(14.295.592)	14.295.592	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(414.199.757)	(371.219.730)	(785.419.487)
Chuyển sang tài sản cố định	Ü			
hữu hình		(3.055.345.012)		(3.055.345.012)
Số cuối năm	2.079.287.063	8.299.200.811	124.239.232	10.502.727.106
Giá trị còn lại			201 = 20 0 :=	40 110 410 404
Số đầu năm	12.723.880.864	29.000.773.395		42.119.413.606
Số cuối năm	24.627.318.937	39.440.839.209	94.241.193	64.162.399.339

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản đở dang

om par any dang co s	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Dự án Cao ốc phức hợp Cholimex, Nguyễn Trãi, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	3.310.084.263				3.310.084.263
Dự án Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng	67.422.808.397				67.422.808.397
Dự án Khu Dân cư tái định cư Vĩnh Lộc A Dự án Trung tâm	32.564.110.399	-		(278.600.000)	32.285.510.399
Giống Cholimex – Ninh Thuận	3.140.705.198		(4.881.615.956)		- 5.
Cộng	106.437.708.257	1.936.575.394	(4.881.615.956)	(474.264.636)	103.018.403.059

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Cộng	29.845.727.281
Năm 2018	12.166.459.009
Năm 2017	10.375.477.440
Năm 2016	7.303.790.832
DO HALL IN DE LE	

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	877.229.183	561.699.195
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	877.229.183	561.699.195
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.290.415.202	192.703.747
Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo	-	79.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Trung Nam	525.186.312	-
Key Power Internation Pte Ltd	267.818.496	-
Các nhà cung cấp khác	497.410.394	112.903.747
Công	2.167.644.385	754.402.942
. 0		

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

Địa chi: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	V 2	Số đầu năm
Ông Trần Quang Thái	985.478.663		1.293.698.842
Các khách hàng khác	51.896.001		
Cộng	1.037.374.664		1.293.698.842
		-	

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số ph	át sinh trong năi	Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số thuế được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT						245 101 920	
hàng bán nội địa	-	30.424.625	275.616.464	-	-	245.191.839	-
Thuế GTGT							
hàng nhập khẩu	-	-	342.815.820	(342.815.820)		-	-
Thuế xuất, nhập			333.598.371	(333.598.371)			
khâu	-	-	333.396.371	(333,396,371)			
Thuế thu nhập doanh nghiệp		42.000.000					42.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	195.031.086	-	856.530.385	(851.468.375)	(6.037.861)	194.055.235	
Thuế sử dụng đất			337.329.118	(293.856.238)		43.472.880	
Các loại thuế khác	_		5.000.000	(5.000.000)	-		-
Cộng	195.031.086	72.424.625	2.150.890.158	(1.826.738.804)	(6.037.861)	482.719.954	42.000.000



Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 05% hoặc 10% tùy theo mặt hàng được quy định của Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

., 0 ., .	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.747.097.729	22.220.715.998
Các khoản điều chinh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chinh tăng	967.407.852	18.311.108.030
- Các khoản điều chính giảm	(95.500.400)	-
Thu nhập chịu thuế	83.619.005.181	40.531.824.028
Thu nhập được miễn thuế	(95.785.464.190)	(50.907.301.468)
Thu nhập tính thuế	(12.166.459.009)	(10.375.477.440)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất

Thuế sử dụng đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

Số cuối năm	Số đầu năm
-	18.816.750
100.359.400	5.448.026.934
-	89.200.000
25.980.000.000	1.102.066.560
714.838.722	46.500.000
86.917.057	163.911.385
26.882.115.179	6.868.521.629
	100.359.400 - 25.980.000.000 714.838.722 86.917.057

17b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thường	1.364.283.571	3.815.655.892	_	(600.000.000)	4.579.939.463
Quỹ phúc lợi	705.858.741	4.617.092.736	140.740.000	(781.435.098)	4.541.516.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(37.032.500)	2.336.272.200		(741.724.900)	1.557.514.800
Cộng	2.033.109.812	10.769.020.828	140.740.000	(2.123.159.998)	10.678.970.642



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm thị chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	3.623.520.856	275.563.174	3.899.084.030
Chi nghiên cứu, phát triển khoa			
học và công nghệ	(112.750.000)	-	(112.750.000)
Khấu hao tài sản cố định	-	(35.178.360)	(35.178.360)
Chuyển quỹ về cho Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	(350.000.000)		(350.000.000)
Số cuối năm	3.160.770.856	240.384.814	3.401.155.670
		NAME OF TAXABLE PARTY.	

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vôn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuê chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	866.000.000.000	10.574.713.161	876.574.713.161
Lợi nhuận trong năm Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong		22.220.715.998	22.220.715.998
năm	_	(244.500.000)	(244.500.000)
Số dư cuối nặm trước	866.000.000.000	32.550.929.159	898.550.929.159
¥.	-		
Số dư đầu năm nay	866.000.000.000	32.550.929.159	898.550.929.159
Lợi nhuận trong năm	-	82.747.097.729	82.747.097.729
Trích lập các quỹ trong			
năm		(10.769.020.828)	(10.769.020.828)
Chia cổ tức		(25.980.000.000)	(25.980.000.000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong		(1.122.140.462)	(1 122 140 462)
năm		(1.123.149.462)	(1.123.149.462)
Số dư cuối năm nay	866.000.000.000	77.425.856.598	943.425.856.598

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	So cuoi nam	So dau nam
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí		
Minh	424.340.000.000	424.340.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	303.280.000.000	303.280.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa Việt	72.123.470.000	72.123.470.000
Các cổ đông khác	66.256.530.000	66.256.530.000
Cộng	866.000.000.000	866.000.000.000

ÔN(

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

•	Số cuối năm	4	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.600.000	7-	86.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	86.600.000	*:	86.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	86.600.000		86.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			-
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	86.600.000		86.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	86.600.000		86.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi			-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-CHOLIMEX-ĐHCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2018 như sau:

	Số được phân phối	Số trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
Trích Quỹ khen thưởng	1.333.242.960	-	1.333.242.960
Trích Quỹ phúc lợi	1.555.450.120	. 	1.555.450.120
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	778.757.400	-	778.757.400
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	333.310.740	244.500.000	88.810.740
Cộng	4.000.761.220	244.500.000	3.756.261.220

Ngoài ra, Công ty cũng tạm phân phối lợi nhuận theo kế hoạch của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-CHOLIMEX-ĐHCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2018 và tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018 như sau:

Cộng	34.115.909.070
 Tạm ứng cổ tức 3% 	25.980.000.000
 Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 	1.034.338.722
 Trích Quỹ thường Ban quản lý, điều hành 	1.557.514.800
 Trích Quỹ phúc lợi 	3.061.642.616
 Trích Quỹ khen thưởng 	2.482.412.932

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời han như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	21.514.848	21.514.848
Trên 01 năm đến 05 năm	86.059.392	86.059.392
Trên 05 năm	494.841.504	473.326.656
Cộng	602.415.744	580.900.896

Địa chi: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

Tổng số tiền thuê 283 m² đất tại 629B Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.033.602 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.

 Tổng số tiền thuê 2.711 m² đất tại 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 19.481.246 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 50 năm tính

từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 21,50 USD (số đầu năm là 61,01 USD).

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

, ,	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa số
Ông Nguyễn Văn Chín	87.126.749	87.126.749	Cá nhân không có tài sản thi hành án Cá nhân không có khả
Ông Trần Minh Hiếu	43.000.000	_	năng thanh toán
Cộng	130.126.749	87.126.749	

VI. THÔNG TIN BỎ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	39.568.696.188	56.371.167.142
Doanh thu bán thành phẩm	722.589.749	63.545.455
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.525.055.702	10.153.585.143
Cộng	49.816.341.639	66.588.297.740

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Nam nay	ram truoc
Giá vốn của hàng hóa đã bán	37.426.352.139	53.826.659.173
Giá vốn của thành phẩm đã bán	535.318.404	46.355.976
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	1.988.386.659	2.363.397.564
Cộng	39.950.057.202	56.236.412.713

Nam terrior

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3.	Doanh	thu	hoạt	động	tai	chinh

	Năm nay	4 1	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.138.317.663		635.533.483
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.176.502	*	19.194.621
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.785.464.190		50.907.301.468
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.450.527		2
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-		2.030.000.000
Cộng	97.937.408.882		53.592.029.572

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	616.632.906	489.055.959
Chi phí vật liệu, bao bì	4.440.787	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	154.086.121	157.497.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.111.896	13.634.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.553.807	826.669.360
Các chi phí khác	438.281.110	233.555.335
Cộng	1.862.106.627	1.720.412.841

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.031.462.993	13.754.888.145
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.568.284.783	1.753.401.677
Chi phí khấu hao tài sản cổ định	867.229.685	1,596.697.657
Thuế, phí và lệ phí	17.381.864	34.545.707
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(95.500.400)	16.309.717.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.846.526.445	4.356.236.756
Các chi phí khác	1.345.972.209	2.420.289.704
Cộng	22.581.357.579	40.225.776.830
The state of the s		

Thu nhập khác

	Nam nay	Nam truoc
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	24.699.271
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	104.098.723
Thu nhập khác	18.939.550	255.234.054
Cộng	18.939.550	384.032.048

7. Chi phí khác

<u> </u>	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	629.805.869	
Phạt do vi phạm hành chính và chậm nộp thuế	×	4.200.000
Chi phí khác	1.265.065	110.634.654
Cộng	631.070.934	114.834.654



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.198.430.535	3.018.646.791
Chi phí nhân công	12.648.095.899	14.243.944.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.358.732.636	3.049.385.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.455.080.252	5.182.906.116
Chi phí khác	2.119.694.543	19.048.529.316
Cộng	26.780.033.865	44.543.412.074

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuế hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuế hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	4.137.751.328	5.136.802.567
Trên 01 năm đến 05 năm	809.378.283	5.046.730.913
Cộng	4.947.129.611	10.183.533.480

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 3.654.381.870 VND (năm trước là 2.922.603.378 VND).



Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh	Đại diện cổ đông.Nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty con
Công ty Cổ phần May Cholimex	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu	
Dịch vụ và Đấu tư Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp	
Vĩnh Lộc - Bến Lức	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ng với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đàm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của loại hình kinh doanh và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh hoạt động và cung cấp dịch vụ khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê.
- Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm.

Thông tin về bộ phân theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cấu phải điều chính số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Địa chỉ: 631 - 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thông tin khác

Ngày 25 tháng 02 năm 2017, Công ty đã báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 7118/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh gửi đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét. Nội dung báo cáo bao gồm các công việc sau: thực hiện bản giao tài sản không cần dùng, đánh giá lại các khoản chi phí có liên quan đến đất đai và giá trị bất động sản đầu tư, xác định và nộp tiền thuê đất một lần làm cơ sở quyết toán toàn bộ doanh thu nhân trước, quyết toán tiến thuê đất Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc và xác định giá trị tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Các số liệu này chưa được phê duyệt để ghi nhận vào Báo cáo tài chính.

Theo Biến bản họp ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Tổ giúp việc Ban Chi đạo cổ phần hóa Công ty, việc định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá sẽ được tiếp tục thực hiện và đề xuất xử lý trong báo cáo quyết toán chuyển thể doanh nghiệp.

Parto Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CO PHAN XUẤT NHẬP KHẨU

VÀ ĐẦU TƯ

Trương Minh Thông Người lập biểu

Võ Văn Đầy Kế toán trưởng Huỳnh An Trung Tổng Giám đốc

4498

NG HIÊMI

AN VÀ

Địa chỉ: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phụ lục 01: Băng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Số dư đầu năm trước	
Lợi nhuận trong năm	
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ba	n Kiểm soát
Số dư cuối năm trước	

Lợi nhuận trong năm Trích lập các quỹ Chia cổ tức Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Sô dư cuối năm nay

Trương Minh Thông

Người lập

Võ Văn Đầy Kế toán trưởng

Lợi nhuận Vốn góp sau thuế chưa phân phối Cộng của chủ sở hữu 866.000.000.000 10.574.713.161 876.574.713.161 22.220.715.998 22.220.715.998 (244.500.000) 32.550.929.159 (244.500.000) **898.550.929.159** 866.000.000.000 898.550.929.159 866.000.000.000 32.550.929.159 82.747.097.729 82.747.097.729 (10.769,020.828) (10.769.020.828) (25.980.000.000) (25.980.000.000) (1.123.149.462) 77.425.856.598 (1.123.149.462) 943.425.856.598 866.000.000.000

CÔNG THO CHI Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019 CÓ PHẨN XUẤT NHẬP KHẨU CHI VÀ ĐẦU TỰ MƯỚCH VÀ THÝ MỤNG THỊ MỤNG

CHƠ LỚN CHOLIMEX

> Huynh An Trung Tổng Giám đốc

43

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẦU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX) Địa chi: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê	Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	9.525.055.702	40.291.285.937		49.816.341.639
Tổng doanh thu thuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.525.055.702	40.291.285.937		49.816.341.639
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.536.669.043	2.329.615.394		9.866.284.437
Các chi phí không phân bố theo bộ phận Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Doanh thu hoat động tài chính			-	(24.443.464.206) (14.577.179.769) 97.937.408.882
Chi phí tài chính Thu nhập khác				(1.000.000) 18.939.550
Chi phi khác Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(631.070.934)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			_	82.747.097.729
Tổng chỉ phi đã phát sinh để mua tài sắn cố định và các tài sắn dài hạn khác	1.936.575.394			1.936.575.394
Tổng chi phi khâu hao và phân bố chỉ phi trá trước đài hạn	1.438.791.055			1.438.791.055
Tông giá trị các khoán chỉ phí lớn không băng tiên (trừ chi phí khâu hao và phân bổ chỉ phí trá trước dài hạn)				



44

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX) Địa chỉ: 631-633 Nguyễn Trải, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê	Lĩnh vực bán hàng hóa, thành phẩm	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.153.585.143	56.391.958.487	-	66.545.543.630
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		-		-
Tông doanh thu thuần về bản hàng và cung cấp dịch vụ	10.153.585.143	56.391.958.487		66.545.543.630
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.790.187.579	2.518.943.338		10.309.130.917
Các chi phí không phân bổ theo bộ phân				(41.946.189.671)
Lợi nhuân từ hoạt động kinh doạnh				(31.637.058.754)
Doanh thu hoat động tài chính				53.592.029.572
Chi phí tài chính				(3.452.214)
Thu nhập khác				384.032.048
Chi phí khác				(114.834.654)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			_	22,220,715,998
Lội nhuận sau thức thủ nhập doanh nghiệp				22.220.713.770
Tổng chỉ phí đã phát sinh đề mua tài săn cô định và các tài sắn dài hạn khác	4.136.002.257			4.136.002.257
Tổng chi phi khâu hao và phân bố chi phi trá trước đài hạn	1.424.643.892	13.3.2		1.424.643.892
Tông giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiên (trừ chi phí khâu hao và		7.5		
phân bổ chi phí trả trước dài hạn)		16.309.717.184		16.309.717.184



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX) Địa chi: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê	Lĩnh vực bản hàng hóa, thành phẩm	loại trừ	Cộng
Số cuối năm Tài sản trực tiếp của bộ phận Tài sản phân bổ cho bộ phận Các tài sản không phân bổ theo bộ phận <i>Tổng tài sản</i>	64.162.399.339	-	<u> </u>	64.162.399.339 - 931.997.920.593 996.160.319.932
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận Nợ phải trá phân bổ cho bộ phận Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận <i>Tổng nợ phải trả</i>				52.734.463.334 52.734.463.334
Số đầu năm Tài sản trực tiếp của bộ phận Tài sản phân bổ cho bộ phận Các tài sản không phân bổ theo bộ phận <i>Tổng tài sản</i>	42.119.413.606		<u>-</u>	42.119.413.606 877.587.672.755 919.707.086.361
Nợ phải trà trực tiếp của bộ phận Nợ phải trà phân bổ cho bộ phận Nợ phải trà không phân bổ theo bộ phận Tổng nợ phải trả				21.156.157.202 21.156.157.202

Trương Minh Thông Người lập 46

Võ Văn Đầy Kế toán trưởng CÔNG THÁC HI Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019 CÔ PHẨN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TỰ CHO LỚX

Các khoản

I July vora bán bàng

PHOTOUGH An Trung Tổng Giám đốc